

NGÀY THI: 13/12/2013

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
1	142221371	Hồ Thanh Tuyền	K14XDC	MEC 306 C	8	5.7	6	6	6.3	Sáu phần Ba	
2	132214470	Nguyễn Quốc Hưng	K14XDD2	MEC 306 C	7	6	7	4	5.2	Năm phần Hai	
3	152222018	Nguyễn Đình Hoàn	K15XDC	MEC 306 A	8.1	5	9	9	8.3	Tám phần Ba	
4	142221361	Nguyễn Văn Tân	K15XDC	MEC 306 A	8.1	5.3	5	4	5.0	Năm	
5	142224798	Lê Văn Thành	K15XDC	MEC 306 A	8.1	5.3	5	3	0.0	Không	
6	152222769	Trần Vũ Hoàng Linh	K15XDC	MEC 306 C	8	6.7	8	5.5	6.4	Sáu phần Bốn	
7	142211236	Nguyễn Duy Luân	K15XDC	MEC 306 C	8	7	8	5	6.2	Sáu phần Hai	
8	152222796	Vũ Văn Hợp	K15XDC	MEC 306 E	6	5	6	6	5.9	Năm phần Chín	
9	152222793	Phạm Mai Trung	K15XDC	MEC 306 E	6	4.6	5	4	4.5	Bốn phần Năm	
10	152212730	Nguyễn Văn Tiền	K15XDD1	MEC 306 C	7	6.7	2	5	5.1	Năm phần Một	
11	152212741	Huỳnh Minh Lâm	K15XDD3	MEC 306 C	8	5.7	7	5	5.9	Năm phần Chín	
12	152212690	Hồ Minh Phương	K15XDD3	MEC 306 C	6	5.3	3	5	4.9	Bốn phần Chín	
13	152212682	Huỳnh Văn Thành	K15XDD3	MEC 306 C	8	6.7	8	4	5.6	Năm phần Sáu	
14	152212746	Nguyễn Thanh Tuấn	K15XDD3	MEC 306 C	7	6.3	0	4	4.2	Bốn phần Hai	
15	152212695	Lê Thiên Vũ	K15XDD3	MEC 306 C	8	6.7	3	5	5.4	Năm phần Bốn	
16	162257349	Phan Ngọc Cương	K16XCD1	MEC 306 C	8	5.7	4	1	0.0	Không	
17	161215110	Phạm Giang	K16XCD1	MEC 306 C	6	5.7	4	5	5.1	Năm phần Một	
18	161215111	Hoàng Hải	K16XCD1	MEC 306 C	6	4.7	4	1	0.0	Không	
19	161215120	Lê Ngọc Hoàng	K16XCD1	MEC 306 C	7	5.3	4	5	5.2	Năm phần Hai	
20	161217314	Trần Văn Thương	K16XCD1	MEC 306 C	9	6.3	4	5	5.6	Năm phần Sáu	
21	161217384	Phạm Tấn Trung	K16XCD1	MEC 306 C	9	6.3	3	5	5.5	Năm phần Năm	
22	161215093	Nguyễn Đông Dắc	K16XCD2	MEC 306 C	9	7.7	8	7	7.6	Bảy phần Sáu	
23	161215105	Nguyễn Hữu Đức	K16XCD2	MEC 306 C	8	6.7	6	5	5.9	Năm phần Chín	
24	161215119	Hà Huy Hoàng	K16XCD2	MEC 306 C	9	7.7	8	7	7.6	Bảy phần Sáu	
25	161215137	Lê Anh Khoa	K16XCD2	MEC 306 C	8	6	4	4	4.9	Bốn phần Chín	
26	161216730	Huỳnh Ngô Phong	K16XCD2	MEC 306 C	8	6.3	6	5	5.8	Năm phần Tám	
27	161216914	Lê Đức Tín	K16XCD2	MEC 306 E	4.6	1.7	3	V	0.0	Không	
28	168211989	Nguyễn Cao Cường	T16XDD1	MEC 306 C	6	5.3	4	4	4.5	Bốn phần Năm	
29	168211998	Phạm Văn Hạnh	T16XDD1	MEC 306 C	8	6.7	6	6	6.4	Sáu phần Bốn	
30	152210186	Đoàn Viết Vương	T16XDD1	MEC 306 C	9	7.3	6	6	6.6	Sáu phần Sáu	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

ThS. Nguyễn Ân